

Bản án số: 19 /2024/ DS-ST

Ngày 03/5/2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng.

Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Quốc Đạt và ông Nguyễn Quang Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang: Ông Trần Mạnh Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 03/5/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 160/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2023 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31a/2024/QĐST-DS ngày 22/3/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-DS ngày 11/4/2024, giữa các đương sự:

+ **Nguyên đơn:** Ông Lê Công C, sinh năm 1970 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

+ **Bị đơn:** Ông Hoàng Văn C1, sinh năm 1968 - (Vắng mặt).

Địa chỉ: thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 – (Vắng mặt).

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975 – (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Tại đơn khởi kiện ghi ngày 24/3/2023 và lời khai tiếp theo Nguyên đơn ông Lê Công C và người có quyền lợi liên quan bà Nguyễn Thị H đều trình bày:

Vợ chồng ông bà có làm nghề kinh doanh buôn bán thức ăn chăn nuôi nên nhiều năm liền kể từ năm 2009 – 2010 vợ chồng ông **Hoàng Văn C1** và bà **Nguyễn Thị L** là người cùng thôn có đến gia đình ông mua cám thức ăn chăn nuôi về nuôi để chăn nuôi gà vịt, theo thỏa thuận thì cứ hết đàn trong khoảng 4 – 5 tháng thanh toán xong, tuy nhiên vợ chồng ông **C1** không thực hiện đúng theo hợp đồng đã thỏa thuận, tính đến ngày 01/7/2010 ông **C1** ký cam kết còn nợ của vợ chồng ông bà số tiền 32.823.000 đồng, sau đó ngày 29/12/2010 ông **C1** nợ tiếp 2.065.000 đồng. Tổng số tiền ông **C1** còn nợ ông là 34.888.000 đồng. Quá trình thanh toán nợ ông **C1** bà **L** mới trả cho ông số tiền là 18.500.000 đồng vào nhiều lần và lần cuối cùng vào ngày 22/12/2019, ông nhất trí trừ số tiền này vào nợ gốc cho ông **C1**. Số nợ gốc còn lại là 16.388.000 đồng. Nay vợ chồng ông bà yêu cầu phía vợ chồng ông và bà **L** phải thanh toán trả cho vợ chồng ông bà tổng số nợ gốc là 16.388.000 đồng và phải trả khoản tiền lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 22/12/2019 đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật.

Trước phiên tòa hôm nay ông **Lê Công C** và bà **Nguyễn Thị H** vắng mặt.

- Bị đơn: Tại biên bản lấy lời khai ghi ngày 22/01/2024 vợ chồng ông Hoàng Văn C1, bà Nguyễn Thị L đều trình bày: Gia đình ông bà và gia đình ông **C**, bà **H** là người cùng làng. Vợ chồng ông bà có lấy cám thức ăn chăn nuôi của gia đình ông **C** về để chăn nuôi gà. Đến nay hai bên chốt nợ thì vợ chồng ông bà còn nợ lại vợ chồng ông **C** số tiền 16.388.000 đồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn, hiện ông **C1** bị ốm nên chưa có điều kiện trả cho ông **C**.

Nay ông bà nhất trí chỉ trả cho vợ chồng ông **C** số nợ gốc còn lại là 16.388.000 đồng mà không đồng ý trả tiền lãi suất và xin được trả dần số nợ trong thời hạn 3 năm.

Trước phiên tòa hôm nay ông **C1**, bà **L** đều vắng mặt.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Thẩm phán và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Thẩm phán xác định đúng mối quan hệ pháp luật tranh chấp. Việc giao các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng và gửi hồ sơ cho VKS về thời gian đều đảm bảo theo đúng quy định của luật tố tụng Dân sự.

- HĐXX thực hiện đúng quy định của pháp luật;

- Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn trong vụ án chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Nguyễn Thị L** không chấp hành đúng quy định của pháp luật, quá trình Tòa án giải quyết, hòa giải, đối chất, công khai chứng cứ đều không có mặt và tại phiên tòa

hôm nay cả ông **C1** và bà **L** đều vắng mặt lần thứ hai. Nguyên đơn ông **C** và người liên quan bà **H** có đơn xin vắng mặt.

+ Về quan điểm đường lối giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Công C** yêu buộc vợ chồng ông **Hoàng Văn C1**, bà **Nguyễn Thị L** phải có trách nhiệm thanh toán trả cho ông **Lê Công C**, bà **Nguyễn Thị H** số tiền mua bán cám gà còn nợ gốc 16.388.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 22/12/2019 đến ngày 03/5/2024 với số tiền là 8.582.000 đồng. Tổng cả tiền gốc và lãi là 24.970.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

Về án phí: Ông **Hoàng Văn C1**, bà **Nguyễn Thị L** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

+ Những yêu cầu, kiến nghị khác: Không

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, ý kiến của các bên đương sự, HĐXX nhận định:

[1] *Về trình tự thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tiến hành đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Quan hệ tranh chấp giữa vợ chồng ông **Lê Công C** với vợ chồng ông **Hoàng Văn C1**, bà **Nguyễn Thị L** là quan hệ tranh chấp dân sự về hợp đồng mua bán tài sản, các bên đã không tự giải quyết được tranh chấp phát sinh, nguyên đơn đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục Tòa án. Địa chỉ nơi cư trú của bị đơn tại **huyện L**. Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang giải quyết là đúng thẩm quyền và phù hợp với quy định của pháp luật được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về thời hiệu khởi kiện:* Giữa ông **Lê Công C** với ông **Hoàng Văn C1**, bà **Nguyễn Thị L** đã chót nợ với nhau vào ngày 29/12/2010 với số tiền gốc là 34.888.000 đồng và sau đó vợ chồng ông **C1** đã thanh toán trả dần cho vợ chồng ông **C** được số tiền 18.500.000 đồng, lần cuối cùng vào ngày 22/12/2019 và tổng số nợ còn lại là 16.388.000 đồng. Phía vợ chồng ông **C1**, bà **L** thừa nhận về số nợ gốc này. Và kể từ thời điểm 22/12/2019 thì ông **C1** không trả thêm cho vợ chồng ông **C**, bà **H** mặc dù ông bà đã đòi nhiều lần nên vợ chồng ông bà đã làm đơn khởi kiện ra Tòa án. Theo quy định tại Điều 184 Bộ luật TTDS thì việc khởi kiện của ông **Lê Công C** vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[4] *Về nội dung vụ kiện:*

[4.1] *Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lê Công C, Hội đồng xét xử thấy:*

Tại bản cam kết nợ gốc do ông Lê Công C nộp cho Tòa án thể hiện ngày 01/7/2010 hai bên chốt sổ thì ông C1 còn nợ lại ông C số tiền gốc 32.823.000 đồng, đến tháng 12/2010 ông C1 lại nợ tiếp số tiền 2.065.000 đồng. Tổng 34.888.000 đồng. Quá trình trả nợ phía ông C1 đã thanh toán trả cho gia đình ông C được số tiền 18.500.000 đồng; Số tiền này ông C thống nhất trừ vào số nợ gốc cho vợ chồng ông C1. Số nợ gốc còn lại là 16.388.000 đồng. Do phía ông C1 không trả được nợ nên vợ chồng ông C đã làm đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông C1, bà L phải có trách nhiệm thanh toán trả cho vợ chồng ông tổng số nợ gốc là 16.388.000 đồng và phải trả khoản tiền lãi suất kể từ ngày 22/12/2019 đến nay theo quy định của pháp luật.

[4.2] *Về các chứng cứ và lời khai cụ thể bị đơn, người có nghĩa vụ liên quan:* Ông Hoàng Văn C1, bà Nguyễn Thị L đều xác nhận số nợ gốc còn lại. Tuy nhiên phía ông Hoàng Văn C1, bà Nguyễn Thị L không đồng ý trả tiền lãi suất của khoản tiền gốc còn nợ cho vợ chồng ông C. HĐXX xác định kể từ thời điểm chốt nợ thì vợ chồng bà L, ông C1 mới thanh toán trả cho vợ chồng ông C được số nợ 18.500.000 đồng và số tiền này ông C đã thống nhất trừ vào số nợ gốc, và thời điểm tính lãi vào thời gian ông C1 trả tiền cho ông C lần cuối cùng vào ngày 22/12/2019.

[4.3] *Về các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ đã được thu thập được và căn cứ pháp luật giải quyết:*

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các bên đương sự, tại cả hai lần hòa giải phía bị đơn ông C1 và bà L đều không hợp tác, không đến phiên hòa giải nên việc hòa giải giữa các bên không thành.

Về số tiền còn nợ gốc và khoản tiền lãi suất: HĐXX xét thấy, việc mua bán và thoả thuận với nhau về thời hạn trả tiền giữa các bên là sự tự nguyện, phía ông Hoàng Văn C1 khai lý do chưa trả được tiền cho vợ chồng ông Lê Công C là do kinh tế gia đình khó khăn nên không có tiền để trả. Do hai bên không thống nhất được phương thức trả nợ nên ông C đã làm đơn khởi kiện. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, các bên đều thừa nhận còn nợ đúng số nợ gốc mà hai bên đã chốt sổ, số tiền bị đơn đã thanh toán trả và tại buổi hòa giải phía nguyên đơn ông Lê Công C thoả thuận chỉ tính tiền lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 22/12/2019 là ngày gia đình ông C1 trả tiền cho ông lần cuối cùng. Mặc dù bà L, ông C1 không đồng ý trả tiền lãi cho ông C, nhưng ông C1, bà L cũng không nộp cho Tòa án được chứng cứ nào thể hiện việc ông C tính lãi suất trên đầu bao, vì ông C không ép buộc vợ chồng ông bà phải lấy cam của ông C mà đây là sự tự nguyện lựa chọn nhà kinh doanh và do thời gian thực hiện hợp đồng trả

tiền của phía ông **C1** không đúng với thời gian hứa trả tiền trong các lần chốt nợ đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của vợ chồng ông **C**. Phía vợ chồng ông **C**, bà **H** vẫn yêu cầu được tính lãi với mức lãi suất 12%/năm thấp hơn hợp đồng các bên đã giao kết là 1,8%/tháng xét là phù hợp. Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho nguyên đơn, căn cứ vào nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của HĐTP Tòa án nhân dân Tối cao: “*Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm*” và khoản 3 Điều 440 của BLDS 2015 cần chấp nhận với yêu cầu trên của nguyên đơn.

Về thời điểm tính lãi: Phía ông **Lê Công C** đề nghị HĐXX tính tiền lãi suất kể từ thời điểm vợ chồng ông **C1** trả tiền lần cuối cùng vào ngày 22/12/2019 và ngày chốt tính lãi vào ngày xét xử 03/5/2024 là 4 năm 4 tháng 11 ngày, cụ thể: 16.388.000 đồng x 12% x 4 năm 4 tháng 11 ngày = 8.582.000 đồng tiền lãi. Tổng cả tiền gốc và lãi là 24.970.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng). Buộc vợ chồng ông **C1**, bà **L** phải có trách nhiệm liên đới trả cho vợ chồng ông **C**, bà **H** số tiền trên.

Để đảm bảo quyền lợi của người được thi hành án, áp dụng điều 357 BLDS.

[5] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[6] **Về án phí:** Do yêu cầu của ông **C**, bà **H** được chấp nhận nên không phải chịu án phí. Buộc ông **Hoàng Văn C1**, bà **Nguyễn Thị L** phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền phải thanh toán theo quy định. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] **Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 430; Điều 434; Điều 440 và Điều 357 Bộ luật dân sự. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 271; Điều 273 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông **Lê Công C** đối với ông ông **Hoàng Văn C1** và bà **Nguyễn Thị L**.

- Buộc ông **Hoàng Văn C1** và bà **Nguyễn Thị L** phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả cho vợ chồng ông **Lê Công C**, bà **Nguyễn Thị H** số tiền gốc

mua bán cám thức ăn chăn nuôi còn nợ lại là 16.388.000 đồng và tiền lãi suất tính đến ngày 03/5/2024 là 8.582.000 đồng. Tổng cả gốc và lãi là 24.970.000 đồng (Hai mươi bốn triệu, chín trăm bảy mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí: Ông **Hoàng Văn C1**, bà **Nguyễn Thị L** phải chịu 1.248.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả ông **Lê Công C** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.060.000 đồng (Một triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số 0000619 ngày 23/10/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự đều vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lạng Giang
- THADS huyện Lạng Giang.
- Các đương sự.
- Lưu.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hằng